

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **04** /2016/QĐ-UBND

Nha Trang, ngày **21** tháng **3** năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa tại Tờ trình số 1230/TTr-SKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

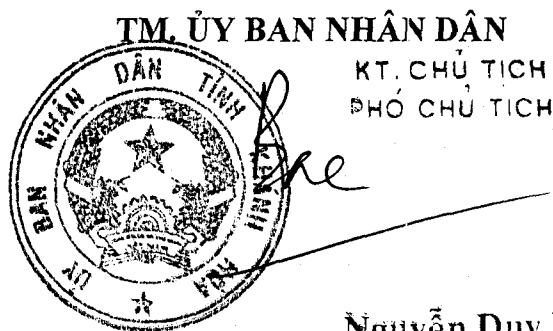
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này, Quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Các Giám đốc Sở: Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. /3

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- VP Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản-Bộ Tư pháp;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Khánh Hòa, Đài PT-TH Khánh Hòa;
- Cổng Thông tin điện tử Khánh Hòa;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, NN, QP ✓



Nguyễn Duy Bắc

QUY ĐỊNH

**Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là nhiệm vụ KH&CN), cụ thể: Tổ chức xây dựng và thực hiện nhiệm vụ KH&CN; kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh*, bao gồm: Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh; dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; đề án khoa học cấp tỉnh.

2. *Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN* (sau đây viết tắt là Tổ chức chủ trì nhiệm vụ) là tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh) phê duyệt chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, sử dụng ngân sách tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh phải đáp ứng được các quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 4. Mã số của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Mã số của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được ghi như sau: A-B-C-D, trong đó:

A : Ghi ĐT/DA/ĐL (đề tài KH&CN, đề tài KH&NV/dự án sản xuất thử nghiệm/đề án khoa học);

B: Năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN, gồm 4 chữ số;

C: Mã chuyên ngành của nhiệm vụ KH&CN (gồm 5 chữ số) được ghi theo quy định tại Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH&CN ngày 04/9/2008 ban hành một số bảng phân loại thống kê khoa học và công nghệ;

D: Ghi ĐL hoặc CT (nhiệm vụ KH&CN độc lập hoặc thuộc chương trình).

Ví dụ cụ thể như sau:

ĐT-2014-60208- ĐL (đề tài - năm bắt đầu thực hiện là 2014 - chuyên ngành nghiên cứu văn hóa, mã số 60208- dạng đề tài độc lập);

DA-2015-20203-ĐL (dự án SXTN - năm bắt đầu thực hiện là 2015 - chuyên ngành tự động hóa, mã số 20203 - dạng dự án độc lập).

Điều 5. Công bố danh mục, đăng ký, lưu giữ và thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Thông tin về nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (bao gồm: Danh mục các nhiệm vụ KH&CN được UBND tỉnh đặt hàng theo hình thức tuyển chọn, giao trực tiếp; kết quả trúng tuyển chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN) được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (<http://www.dostkhanhhoa.gov.vn>) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác theo các quy định hiện hành.

2. Việc đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo những quy định tại Nghị định 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thuộc danh mục bí mật nhà nước được đăng ký, lưu giữ theo chế độ mật.

3. Việc truyền thông về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo các quy định của Luật khoa học và công nghệ và Luật báo chí. Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh, doanh nghiệp đề xuất đặt hàng và sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ từ nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, các tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh .

Điều 6. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, gồm: Kinh phí triển khai thực hiện các nội dung của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và kinh phí quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Kinh phí triển khai thực hiện các nội dung của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, gồm: Kinh phí được hỗ trợ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh và các nguồn hợp pháp khác. Nguồn kinh phí này được cấp cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, thông qua hợp đồng để thực hiện các nội dung theo tiến độ đã nêu trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Khuyến khích tổ chức và cá nhân tham gia các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ.

3. Kinh phí quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh và được cân đối về Sở Khoa học và Công nghệ để chi cho các hoạt động quản lý.

4. Việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính khoa học và công nghệ hiện hành.

Chương II

TỔ CHỨC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Điều 7. Xác định nhiệm vụ, tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và thẩm định các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Việc xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo Quy định về trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước, được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Trình tự về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và thẩm định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo Quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước, được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2015.

Điều 8. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ nội dung và kinh phí đã nêu trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được cấp thẩm quyền phê duyệt, cụ thể hóa bằng các điều khoản trong hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để ký với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

2. Mẫu hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá

trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thực hiện theo các quy định tại các Chương II, IV, V Quy định này.

Điều 10. Đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Trình tự, thủ tục đánh giá nghiệm thu, công nhận các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, thực hiện theo quy định đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh. Mẫu biên bản thanh lý hợp đồng ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKH&CN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Quản lý, xử lý tài sản thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Tài sản được mua sắm, hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước được quản lý, xử lý theo quy định tại Thông tư số 16/2015/TTLT-BKH&CN-BTC ngày 01/9/2015 của liên Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ trưởng Bộ tài chính hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương III

QUY ĐỊNH VIỆC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Điều 12. Nội dung kiểm tra, đánh giá

1. Nội dung khoa học.
 - a) Nội dung đã hoàn thành;
 - b) Nội dung đang triển khai;
2. Tiến độ thực hiện.
3. Tình hình sử dụng kinh phí.
 - a) Tình hình sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước;

b) Tình hình sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước.

4. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 13. Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá

1. Kiểm tra, đánh giá dựa trên hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã ký kết; đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

2. Tôn trọng và hạn chế ảnh hưởng tới hoạt động bình thường của Tổ chức được kiểm tra.

3. Chỉ thực hiện kiểm tra khi có kế hoạch hoặc yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Kiểm tra phải được thực hiện theo đúng nội dung, thẩm quyền và quy trình.

5. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác kiểm tra, tránh trùng lặp và chồng chéo.

Điều 14. Thành phần tham gia kiểm tra, đánh giá

1. Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ: lãnh đạo Sở, lãnh đạo phòng Quản lý khoa học, lãnh đạo phòng Kế hoạch Tài chính và một số chuyên viên của phòng, đơn vị có liên quan.

2. Đại diện Sở Tài chính.

3. Đại diện Sở ban ngành, đơn vị, địa phương có liên quan.

4. Đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng.

5. Trưởng đoàn kiểm tra, đánh giá (lãnh đạo Sở KH&CN hoặc lãnh đạo phòng Quản lý khoa học khi được lãnh đạo Sở ủy quyền) chủ trì phiên họp

6. Trường hợp thành lập đoàn đánh giá các mô hình triển khai thực tế, thành phần đoàn phải có một số thành viên hội đồng KH&CN đã tham gia trong Hội đồng tuyển chọn xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ KH&CN hoặc sẽ mời tham gia hội đồng KH&CN đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN.

Điều 15. Chuẩn bị nội dung kiểm tra, đánh giá

1. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ chuẩn bị báo cáo và các tài liệu liên quan phục vụ kiểm tra, đánh giá:

a) Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Mẫu A2-BCTĐ, A4-BCSPHT (áp dụng dựa trên mẫu A-2, A-4, ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKH&CN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN);

b) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ theo Mẫu A3-BCSDKP (áp dụng dựa trên mẫu A-3 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKH&CN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN);

c) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Sở Khoa học và Công nghệ:

- a) Tiếp nhận các báo cáo, tài liệu của tổ chức chủ trì nhiệm vụ;
- b) Bố trí thời gian, địa điểm kiểm tra, đánh giá và thông báo cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ, các thành viên tham gia đoàn kiểm tra, đánh giá trước 03 ngày làm việc.

Điều 16. Thời gian, điều kiện, kinh phí tổ chức kiểm tra, đánh giá

1. Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ 01 năm 01 lần, kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực, hoặc khi kết thúc mô hình triển khai thực tế hoặc đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Đoàn kiểm tra, đánh giá được tổ chức khi đảm bảo các điều kiện sau:

- a) Nhận được đầy đủ báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Quy định này.
- b) Có ít nhất 01 lãnh đạo phòng Quản lý khoa học, 01 lãnh đạo phòng Kế hoạch Tài chính quy định tại khoản 1 Điều 14 Quy định này; đại diện Sở ban ngành, đơn vị, địa phương có liên quan quy định tại khoản 2, 3 Điều 14 Quy định này, chủ nhiệm nhiệm vụ và đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

c) Đối với trường hợp đánh giá các mô hình triển khai thực tế, thành phần đoàn phải có ít nhất 01 thành viên hội đồng KH&CN quy định tại khoản 6 Điều 14 Quy định này.

3. Kinh phí tổ chức kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm được giao dự toán về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Trình tự kiểm tra, đánh giá

1. Đại diện đoàn kiểm tra, đánh giá nêu lý do, giới thiệu thành phần đoàn kiểm tra, đánh giá.

2. Đại diện tổ chức chủ trì nhiệm vụ giới thiệu thành phần tham dự kiểm tra của đơn vị.

3. Đại diện tổ chức chủ trì báo cáo tóm tắt tình hình triển khai nhiệm vụ KH&CN.

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ bổ sung ý kiến.

5. Các thành viên đoàn kiểm tra thảo luận, trao đổi ý kiến đối với tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và các cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ về các nội dung kiểm tra, đánh giá.

6. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ giải trình, tiếp thu ý kiến của đoàn kiểm tra, đánh giá.

7. Trưởng đoàn kiểm tra, đánh giá kết luận về nội dung nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí và kiến nghị đối với tổ chức chủ trì nhiệm vụ và ghi nhận đề xuất của tổ chức chủ trì (nếu có).

8. Biên bản kiểm tra, đánh giá phải được các thành viên tham gia đoàn kiểm tra và lãnh đạo tổ chức chủ trì ký xác nhận.

9. Việc kiểm tra tài liệu, báo cáo có thể thực hiện tại tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

10. Kiểm tra, đánh giá mô hình tại hiện trường: đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm đo kiểm được, đoàn kiểm tra, đánh giá có trách nhiệm đến hiện trường để kiểm tra, đánh giá cụ thể về số lượng và chất lượng sản phẩm của nhiệm vụ (căn cứ vào thuyết minh nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt). Trường hợp cần thiết, đoàn kiểm tra có thể yêu cầu kiểm tra chất lượng sản phẩm tại cơ quan có chức năng chuyên môn phù hợp.

11. Việc điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Chương IV và Chương V của Quy định này.

Chương IV **ĐIỀU CHỈNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN** **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Điều 18. Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN, việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ. Thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện không quá 24 tháng.

2. Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng.

3. Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ KH&CN.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 và 3 Điều này, trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN. Trường hợp không theo quy định trên do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 19. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN

1. Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: không được phép điều chỉnh.

2. Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán một phần: việc điều chỉnh được xem xét trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN và sau khi có ý kiến của hội đồng KH&CN tư vấn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

a) Ý kiến hội đồng được ghi thành biên bản theo Mẫu C1-BBHĐTV (áp dụng

dựa trên mẫu C-1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN).

b) Trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của cơ quan đề xuất đặt hàng.

Điều 20. Điều chỉnh nội dung của nhiệm vụ KH&CN

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN được chủ động điều chỉnh nội dung nhiệm vụ KH&CN và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo phương thức khoán một phần: tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải có văn bản báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ; đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh nội dung (đối với nhiệm vụ KH&CN do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt), Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc điều chỉnh nội dung (đối với nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt).

3. Trường hợp cần thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến tư vấn của các chuyên gia về việc điều chỉnh nội dung nhiệm vụ KH&CN.

Điều 21. Điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ áp dụng đối với trường hợp nhiệm vụ KH&CN được cấp thẩm quyền phê duyệt cho điều chỉnh mục tiêu, nội dung và sản phẩm nhiệm vụ.

2. Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đối với nhiệm vụ KH&CN do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt), Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đối với nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt).

Điều 22. Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

1. Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN đi học tập, công tác dài hạn trên 06 tháng liên tục;

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN hoặc xác nhận của cơ quan y tế);

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN tử vong; mất tích trên 06 tháng;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao;

đ) Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác.

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN mới phải đáp ứng các yêu cầu tại Quyết định quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

Điều 23. Thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN

1. Chỉ thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sát nhập, chia tách, giải thể tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN mới phải đáp ứng các yêu cầu tại Quyết định quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định việc thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN mới.

Điều 24. Điều chỉnh khác đối với các nhiệm vụ KH&CN

1. Điều chỉnh mua sắm nguyên, vật liệu: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN được chủ động quyết định điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại nguyên vật liệu mua bằng ngân sách nhà nước và không làm tăng tổng kinh phí chi cho mục nguyên vật liệu đã được phê duyệt. Sau điều chỉnh, việc mua sắm nguyên vật liệu thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN được chủ động thay đổi cá nhân tham gia thực hiện để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia thực hiện phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế.

3. Điều chỉnh đoàn ra:

a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN được chủ động điều chỉnh nội dung, thời điểm và thời gian tổ chức đoàn ra phù hợp với thực tế, đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN đã được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Mọi trường hợp điều chỉnh đoàn ra không được tăng tổng kinh phí chi cho mục đoàn ra đã được phê duyệt.

4. Điều chỉnh mua sắm thiết bị, máy móc: tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải có văn bản báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

nghệ xem xét, quyết định việc điều chỉnh đối với từng trường hợp cụ thể; không làm tăng tổng kinh phí chi cho mục mua sắm thiết bị, máy móc đã được phê duyệt. Sau điều chỉnh, việc mua sắm thiết bị, máy móc thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Điều chỉnh dự toán kinh phí ngoài ngân sách nhà nước: tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN được phép chủ động điều chỉnh các nội dung và kế hoạch chi nhưng không được giảm tổng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước đã được phê duyệt.

Điều 25. Trình tự điều chỉnh nhiệm vụ KH&CN

1. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền điều chỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tài liệu đề nghị điều chỉnh bao gồm: Công văn đề nghị của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN; biên bản kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (nếu có); biên bản họp hội đồng tư vấn, ý kiến chuyên gia (nếu có); văn bản đồng ý điều chỉnh của Cơ quan đề xuất đặt hàng trong trường hợp thay đổi tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN (nếu có); tài liệu khác có liên quan.

b) Trường hợp đồng ý điều chỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (theo thẩm quyền đã quy định tại Quy định này) phải có quyết định điều chỉnh theo Mẫu D-QĐĐC (*áp dụng dựa trên mẫu D-1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN*). Quyết định điều chỉnh là một bộ phận của Hợp đồng đã ký.

c) Trường hợp không đồng ý điều chỉnh, phải có công văn trả lời cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ nêu rõ lý do không điều chỉnh.

d) Sở Khoa học và Công nghệ điều chỉnh hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở quyết định điều chỉnh tại điểm b khoản 1 Điều này.

2. Đối với các nội dung tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN được phép chủ động điều chỉnh: hồ sơ, trình tự thủ tục điều chỉnh được thực hiện theo quy định nội bộ của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

Chương V CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH

Điều 26. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Chấm dứt hợp đồng quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN đối với các trường hợp được quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 5 của Mẫu hợp đồng ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 27. Trình tự, thẩm quyền chấm dứt hợp đồng

1. Việc đề nghị chấm dứt hợp đồng sẽ do:

a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN chủ động đề nghị chấm dứt hợp đồng;

b) Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị chấm dứt hợp đồng trong trường hợp có đủ căn cứ quy định tại Điều 26 của Quy định này.

2. Trình tự, thẩm quyền thực hiện chấm dứt hợp đồng

a) Trên cơ sở đề nghị chấm dứt hợp đồng hợp lệ và các tài liệu có liên quan, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và có thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ KH&CN;

b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN phải ngừng mọi hoạt động có liên quan kể từ ngày có thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đồng thời báo cáo chi tiết bằng văn bản với Sở Khoa học và Công nghệ các nội dung đã thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí, nguyên vật liệu, trang thiết bị mua sắm;

c) Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính và một số đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, đánh giá tài liệu và hiện trường trước khi ra quyết định chấm dứt hợp đồng. Trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý.

d) Tài liệu để xem xét chấm dứt hợp đồng, bao gồm:

- Công văn giải trình, đề nghị chấm dứt hợp đồng của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

- Đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

- Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được cấp thẩm quyền phê duyệt; Hợp đồng đã ký giữa tổ chức chủ trì nhiệm vụ với Sở Khoa học và Công nghệ;

- Báo cáo nội dung tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo mẫu A2-BCTĐ; báo cáo sản phẩm khoa học và công nghệ đã hoàn thành theo mẫu A4-BCSPHT (*áp dụng dựa trên mẫu A-2 và A-4 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKH&CN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN*).

- Báo cáo tình hình sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo Mẫu A3-BCSDKP (*áp dụng dựa trên mẫu A-3 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKH&CN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN*);

- Tài liệu khác (nếu có).

đ) Trong quyết định chấm dứt hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm theo quy định hiện hành;

e) Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 28. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ.

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức xác định danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

2. Tiến hành ký hợp đồng, điều chỉnh hợp đồng, thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh;

3. Chủ trì kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước; gửi bản sao biên bản cho tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và các đơn vị phối hợp kiểm tra, đánh giá.

a) Hoàn thiện biên bản kiểm tra, đánh giá theo Mẫu C2-BBKTĐG (*áp dụng dựa trên mẫu C-2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN*).

b) Trường hợp kiểm tra, đánh giá mô hình tại hiện trường, hoàn thiện biên bản theo Mẫu B1-XNKLCV (*áp dụng dựa trên mẫu B-1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN*).

4. Kiểm tra chứng từ đề nghị thanh quyết toán, xác nhận việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Mẫu B2-XNSDKP (*áp dụng dựa trên mẫu B-2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN*);

5. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu, trình UBND tỉnh công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 29. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN

1. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh với Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

3. Cử đại diện tham gia các cuộc họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hội đồng tuyển chọn, xét giao trực tiếp và hội đồng đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do cơ quan đề xuất đặt hàng.

4. Cử đại diện tham gia và thực hiện trách nhiệm của thành viên đoàn kiểm tra khi được yêu cầu.

5. Có ý kiến bằng văn bản đối với trường hợp cần thay đổi tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ trong trường hợp cần thiết.

6. Tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do cơ quan đã đề xuất đặt hàng. Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo

cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 30. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ KH&CN của cấp thẩm quyền.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ thì cá nhân được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí của chủ nhiệm nhiệm vụ quy định tại Quyết định quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước. Kết quả việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo bằng văn bản và được sự đồng ý của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với Sở Khoa học và Công nghệ; cùng với chủ nhiệm nhiệm vụ ký hợp đồng giao việc, hợp đồng thuê khoán chuyên môn với các tổ chức cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ KH&CN.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

5. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng đã ký.

6. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong hợp đồng cho chủ nhiệm nhiệm vụ và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ KH&CN; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí với Sở Khoa học và Công nghệ và chịu trách nhiệm về chứng từ quyết toán theo quy định hiện hành;

7. Thực hiện chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định: Báo cáo định kỳ theo Mẫu A1-BCĐK (*áp dụng dựa trên mẫu A-1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN*) và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tại thời điểm quyết toán kinh phí.

8. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra. Trường hợp không thống nhất thì báo cáo lên cơ quan cấp trên có thẩm quyền để giải quyết theo quy định.

9. Kiến nghị các điều chỉnh khi cần để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN.

10. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ

KH&CN cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện việc công bố, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

12. Tổ chức quản lý, khai thác, chuyển giao các kết quả của nhiệm vụ KH&CN, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.

13. Kết quả của các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ KH&CN khác.

Điều 31. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ KH&CN đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo quyết định phê duyệt danh mục của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN và chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng đã ký và thuyết minh nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hoá sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ KH&CN.

3. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ KH&CN và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

4. Phối hợp với tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện của nhiệm vụ KH&CN với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tài liệu khác theo hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt.

Điều 32. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn kiểm tra, đánh giá

1. Trưởng đoàn kiểm tra, đánh giá có trách nhiệm chủ trì thực hiện kiểm tra, đánh giá, cho ý kiến kết luận.

2. Các thành viên có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá cho ý kiến về nội dung được kiểm tra, đánh giá.

3. Kịp thời báo cáo và đề xuất phương án xử lý với Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền nếu nhiệm vụ có dấu hiệu vi phạm pháp luật sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá.

5. Chịu trách nhiệm đối với quá trình hoạt động kiểm tra, đánh giá và kết luận

kiểm tra, đánh giá của mình.

6. Cung cấp thông tin trong trường hợp điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng (nếu thấy cần thiết).

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 33. Tổ chức thực hiện

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

Trên cơ sở bộ biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN, giao Sở KH&CN hướng dẫn bộ biểu mẫu thực hiện theo đúng quy định.

Điều 34. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có những vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh với Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, đề xuất với UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Khánh
Nguyễn Duy Bắc